



GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(áp dụng đối với khách hàng vay thấu chi/theo món phục vụ nhu cầu đời sống không có TSBD đối với KHCN)

Số Hợp đồng: AA/BB/CC/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh

(Ngân hàng)

I. Thông tin người vay vốn

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: (Bên vay)	Ngày sinh:	Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
Số CMND/Hộ chiếu:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú (theo Hộ khẩu/KT3):		
Địa chỉ cư trú hiện tại:		
Điện thoại cố định:	Điện thoại di động:	Email:

2. Thông tin gia đình (vợ/chồng khách hàng vay)

Họ và tên: (Bên vay)	Ngày sinh:
Số CMND/Hộ chiếu:	Ngày cấp:
Địa chỉ thường trú (theo Hộ khẩu/KT3):	
Địa chỉ cư trú hiện tại:	
Điện thoại cố định:	Điện thoại di động:
Email:	

3. Thông tin nghề nghiệp

Tên cơ quan công tác hiện tại:	
Địa chỉ:	Điện thoại liên lạc:
Vị trí công tác:	

4. Thông tin về khả năng tài chính

Thu nhập hàng tháng	Nguồn thu nhập	Bên vay	Vợ/chồng (nếu có)
	Lương (và các khoản có tính chất lương)		
	Kinh doanh:		
	Cho thuê tài sản:		
	Khác:		
	Tổng cộng:		
Chi phí hàng tháng của gia đình	Sinh hoạt:		
	Các khoản trả góp:		
	Tổng cộng:		

Thu nhập ròng hàng tháng của gia đình (tổng thu nhập - tổng chi phí): VNĐ/tháng

Tài sản đang sở hữu (có giấy tờ sở hữu hợp pháp, hợp lệ)	Loại tài sản		Giá trị tài sản (triệu VNĐ)	Đang cầm cố/ thế chấp
	Bất động sản	1.		☐
		2.		☐
	Động sản	1.		☐
		2.		☐
	Tiền gửi tại Ngân hàng	1.		☐
		2.		☐
	Tài sản khác	1.		☐
		2.		☐
		3.		

		4.						
Tổng giá trị:								
5. Thông tin quan hệ tín dụng ngân hàng								
TT	Hình thức vay	Hình thức bảo đảm		Ngân hàng	Số tiền vay (hạn mức) (triệu VNĐ)	Ngày đáo hạn	Dư nợ hiện tại (triệu VNĐ)	Số tiền trả nợ hàng tháng (triệu VNĐ)
		Tín chấp	Bằng tài sản					
1		☐	☐					
2		☐	☐					
...								
II. Thông tin người tham chiếu								
(Thông tin về 1 cá nhân biết rõ về Bên vay nhưng không cùng địa chỉ cư trú & có điện thoại mà Ngân hàng có thể liên hệ khi cần)								
Họ và tên:				Quan hệ với Bên vay:		Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ		
Địa chỉ liên lạc:					Điện thoại liên hệ:			
III. Thông tin khoản vay đề nghị								
1. Phương thức vay								
☐ Vay theo món - Số tiền vay: VNĐ. Bằng chữ: - Thời hạn vay: tháng. - Kế hoạch trả nợ: + Kỳ trả nợ (gốc và lãi): hàng tháng + Số tiền trả nợ: ☐ Nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế ☐ Trả góp: VNĐ/tháng ☐ Khác: - Phương thức trả nợ: ☐ Tự động trừ tài khoản ☐ Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản - Thông tin rút vốn lần đầu: + Số tiền rút vốn: VNĐ. Bằng chữ: + Thời điểm rút vốn: + Phương thức rút vốn: + Số tài khoản vay:...						☐ Cấp hạn mức thấu chi trên tài khoản tiền gửi thanh toán - Trị giá hạn mức VNĐ Bằng chữ: - Thời hạn cấp hạn mức: tháng. - Kế hoạch trả nợ: + Nợ lãi: trả vào ngày 27 hàng tháng. + Nợ gốc: trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của Bên vay tại BIDV.		
2. Nguồn trả nợ:								
3. Bảng kê mục đích sử dụng vốn vay:								
STT	Nội dung				Số tiền			
1								
2								
				Tổng cộng:				
IV. Thông tin bảo hiểm								
Trường hợp tham gia bảo hiểm người vay vốn - BIC Bình An:								
1. Người được bảo hiểm (NĐBH): ☐ Người vay vốn ☐ Người hôn phối ☐ Người đại diện (trường hợp Hộ gia đình/Hộ kinh doanh vay vốn)								
2. Số tiền đề nghị bảo hiểm: VNĐ.								
3. Chương trình bảo hiểm và Tỷ lệ phí bảo hiểm: ☐ Chương trình A (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 01 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 100 triệu VNĐ): 0.3%/năm ☐ Chương trình B (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 02 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 100 triệu VNĐ): 0.4%/năm ☐ Chương trình C (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 03 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.45%/năm ☐ Chương trình D (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 04 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.48%/năm								

+ Nộp đơn thôi việc/chấm dứt Hợp đồng lao động. + Điều chuyển, thay đổi sang vị trí công tác mới. + Bị thương tật nặng ảnh hưởng đến khả năng lao động.						
VIII. Các tài liệu kèm theo						
☐ Bản photo CMND/Hộ chiếu của Bên vay.	Ký nhận của CB QLKHCN (ký, ghi rõ họ tên)					
☐ Bản photo Hộ khẩu trường trú/Xác nhận tạm trú						
☐ Bản photo Hợp đồng lao động/Quyết định biên chế (hoặc giấy tờ khác tương đương) (ghi rõ nếu là giấy tờ khác:) ☐ Sao kê tài khoản nhận lương/Bảng lương						
☐ Các giấy tờ chứng minh thu nhập khác (nếu có):						
IX. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG - ĐỀ XUẤT & PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT TÍN DỤNG ¹						
1. Thông tin quan hệ giữa khách hàng với BIDV						
- Tổng hạn mức tín dụng không có tài sản bảo đảm:		VND.				
- Dư nợ không có tài sản bảo đảm tại BIDV:		VND.				
- Dư nợ có tài sản bảo đảm khác tại BIDV:		VND.				
- Dư nợ quá hạn/nợ xấu tại BIDV:		VND.				
Thông tin về nhóm KH liên quan (nếu có)	Khách hàng liên quan	Mối quan hệ (sở hữu/điều hành/gia đình)	Tổng giới hạn tín dụng được cấp (ngắn trung dài hạn, bảo lãnh...)	Tổng dư nợ tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng		
				Dư nợ ngắn hạn	Dư nợ trung dài hạn	Dư bảo lãnh
	Đánh giá tổng giới hạn tín dụng mà chi nhánh đã cấp cho nhóm khách hàng liên quan:					
Kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ:						
2. Báo cáo tín dụng từ CIC						
☐ Có báo cáo (đính kèm), mã CIC: ☐ Không có thông tin						
3. Thông tin quan hệ giữa khách hàng với các tổ chức tín dụng (TCTD) khác						
TT	TCTD	Dư nợ	Nhóm nợ	Loại TSBD	Giá trị TSBD	
1						
2						
4. Đề xuất tín dụng						
☐ <u>Vay theo món</u> ☐ Không đồng ý cho vay ☐ Đồng ý cho vay, với các nội dung cụ thể sau: - Số tiền vay: VND. <i>Bằng chữ:</i> - Thời hạn vay: tháng. - Lịch trả nợ: + Kỳ trả nợ: định kỳ hàng tháng, vào ngày... hàng tháng + Số tiền trả nợ gốc: + Số tiền trả nợ lãi: theo dư nợ thực tế. - Phương thức trả nợ: ☐ Tự động trừ tài khoản số: của Bên vay tại BIDV. ☐ Khác: - Lãi suất: %/năm. Lãi suất quá hạn: % lãi suất trong hạn; Lãi suất được điều chỉnh...tháng/lần - Phí: - Khoản rút vốn lần đầu:				☐ <u>Thấu chi</u> ☐ Không đồng ý cho vay ☐ Đồng ý cho vay, với các nội dung cụ thể sau: - Tài khoản cấp hạn mức thấu chi: - Giá trị hạn mức: VND. <i>Bằng chữ:</i> - Thời hạn cấp hạn mức: tháng. - Lịch trả nợ: + Nợ lãi ☐ trả vào ngày 27 hàng tháng ⁽¹⁾ ☐ trả vào ngày hàng tháng ⁽²⁾ + Nợ gốc: trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của Bên vay tại BIDV. - Lãi suất: %/năm Lãi suất quá hạn: % lãi suất trong hạn. - Phí:		

^{1*} Người có thẩm quyền xác nhận lương là người đứng đầu đơn vị hoặc cấp được ủy quyền xác nhận theo văn bản ủy quyền của đơn vị khách hàng công tác...

⁽¹⁾ Trường hợp thu nợ tự động

⁽²⁾ Trường hợp thu nợ thủ công

+ Số tiền rút vốn: VND. Bằng chữ: + Thời điểm rút vốn: + Phương thức rút vốn: + Số tài khoản vay:.....		
5. Chương trình tín dụng và mã sản phẩm áp dụng		
- Chương trình tín dụng (nếu có): - Mã sản phẩm vay:		
Ngân hàng , ngày tháng năm		
Cán bộ QLHCN (ký, ghi rõ họ tên)	Lãnh đạo PKHCN/PGD (ký, ghi rõ họ tên)	CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)